

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI BIỂN VIỆT

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI BIỂN VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BIEN VIET CONSTRUCTION CONSULTANT AND TRADE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BIEN VIET CONTRA ., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108026885

3. Ngày thành lập: 18/10/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 5, ngách 8/192, ngõ 8, đường Lê Quang Đạo, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0937.315.888

Fax:

Email: bienviet.office@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
2.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
3.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
4.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
5.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
6.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
7.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
8.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
9.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
10.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
11.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
12.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
13.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
14.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
15.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022

16.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát địa hình; - Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình. - Thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế kiến trúc công trình - Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan - Thiết kế kết cấu công trình - Thiết kế điện – cơ điện công trình - Thiết kế cấp – thoát nước - Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt - Thiết kế phòng cháy - chữa cháy; - Thiết kế mạng thông tin – liên lạc trong công trình xây dựng; - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ; - Tư vấn quản lý chi phí hạng 2, bao gồm: + Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; + Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; + Đo bóc khối lượng; + Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; + Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; + Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; + Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. - Lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất - Lập dự án đầu tư xây dựng công trình	7110(Chính)
17.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
18.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
	Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;	
20.	Cho thuê xe có động cơ	7710
21.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
	Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;	
22.	Cung ứng lao động tạm thời	7820

23.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
24.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
25.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
26.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
27.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
28.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
29.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
30.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
31.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
32.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
33.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
34.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
35.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
36.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
37.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
38.	Khai thác gỗ	0221
39.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
40.	Bốc xếp hàng hóa	5224
41.	Đại lý du lịch	7911
42.	Điều hành tua du lịch	7912
43.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
44.	Quảng cáo	7310
45.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
46.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
47.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
48.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
49.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
50.	Bán mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đấu giá);	4541
51.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đấu giá);	4543
52.	Bán buôn gạo	4631
53.	Bán buôn đồ uống	4633
54.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đấu giá);	4530
55.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
56.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

57.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);	4659
58.	Bán buôn thực phẩm	4632
59.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự	4649
60.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh;	4773
61.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
62.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
63.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
64.	In ấn	1811
65.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
66.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
67.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
68.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
69.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
70.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
71.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
72.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
73.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
74.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
75.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: + Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; + Bán buôn xi măng; + Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; + Bán buôn kính xây dựng; + Bán buôn sơn, vécni; + Bán buôn gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh; + Bán buôn đồ ngũ kim;	4663

76.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
77.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
78.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
79.	Xây dựng nhà các loại	4100
80.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
81.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
82.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
83.	Phá dỡ	4311
84.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
85.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
86.	Xây dựng công trình công ích	4220
87.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
88.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
89.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất;	7410
90.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
91.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
92.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
93.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.	4329
94.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
95.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
96.	Đúc sắt, thép	2431
97.	Đúc kim loại màu	2432
98.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 300.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VIẾT THANH	Số 5, ngách 8/192, ngõ 8, đường Lê Quang Đạo, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	120.000	1.200.000.000	40,000	013065139	
			Tổng số	120.000	1.200.000.000	40,000		
2	PHẠM MINH THANH	Số 80 Lê Lợi, Phường Gia Viên, Quận Ngõ Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	20,000	030197558	
			Tổng số	60.000	600.000.000	20,000		
3	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	Phòng D1 tầng 13, Dự án tổ hợp dịch vụ công cộng và nhà ở công ty, 335 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	20,000	013439093	
			Tổng số	60.000	600.000.000	20,000		
4	VŨ MINH TUẤN	Số 4A, Ngõ 162, Đường Khương Đình, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	20,000	013305841	
			Tổng số	60.000	600.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VIẾT THANH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc*

Sinh ngày: 27/09/1977

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 013065139

Ngày cấp: 06/09/2012

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 5, ngách 8/192, ngõ 8, đường Lê Quang Đạo, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: Số 5, ngách 8/192, ngõ 8, đường Lê Quang Đạo, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội